TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:10/2024/HS-ST
Ngày 31/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hoàng Thị Hanh
- Bà Nguyễn Thị Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Tô Viết T, sinh ngày 12/4/1974, tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Viết N, sinh năm 1945 và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1953; có vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1985; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2023 đến ngày 10/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1992 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1953 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Người làm chứng:
+ Ông Trần Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Viết T là người kinh doanh tự do. Khoảng tháng 8/2016, T mua mới 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, loại xe tải có mui, biển kiểm soát 88C-101.27 và đăng ký xe mang tên Tô Viết T để đi chở hàng. Do cần tiền để đầu tư làm ăn và trả nợ nên đầu tháng 06/2021, T đặt trên mạng xã hội Facebook và Zalo làm 02 giấy đăng ký xe ô tô giả theo mẫu giấy đăng ký xe ô tô thật của T, với mục đích sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả để cầm cố vay tiền. Ngày 23/6/2021, T đã chuyển nhượng chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 cho anh Lê Văn Đ với số tiền 380.000.000đồng, anh Đ đã trả đủ tiền và làm thủ tục sang tên. Sau đó, anh Đ cho T mượn lại chiếc xe ô tô trên để đi lại chở hàng hoá và tạo điều kiện cho T đi làm ăn, kiếm thêm thu nhập một thời gian.

Ngày 01/7/2021, T thiếu tiền trả các khoản vay nợ từ trước và tiền lấy hàng gỗ về bán nên T nhờ anh Trần Văn L giới thiệu người cho T cầm cố xe ô tô để vay tiền. Anh L đồng ý và đưa T đến nhà anh Nguyễn Văn C. Sau đó, T và anh C thỏa thuận với nhau về việc vay tiền. Anh C đồng ý cho T vay số tiền 200.000.000đồng, với mức lãi suất 2.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày nhưng với điều kiện là T phải để lại giấy đăng ký xe ô tô để làm tin. Để hợp thức việc cho vay lãi cao của anh C nên T và anh C đã thoả thuận và thống nhất bằng việc mua bán xe ô tô với nhau bằng cách, T viết giấy bán xe ô tô cho anh C với số tiền 200.000.000đồng. Sau đó, T lại viết giấy mượn xe ô tô của anh C. T và anh C thoả thuận và viết các loại giấy tờ mua, bán xe ô tô, giấy mượn xe ô tô xong thì anh C đã chuyển khoản đủ cho T số tiền 200.000.000đồng. T để lại cho anh C 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 giả mang tên T đã đặt làm từ trước. Sau đó, T đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi và chuyển khoản trả tiền lãi cho anh C vào thời gian, số tiền cụ thể như sau: Ngày 16/12/2021, T trả số tiền 6.000.000đồng; ngày 13/01/2022, T trả số tiền 10.000.000đồng; ngày 29/01/2022, T trả số tiền 6.000.000đồng và khoảng tháng 8/2023, T trả số tiền 6.000.000đồng. Đến ngày 09/10/2023, T trả đủ cho anh C số tiền gốc 200.000.000đồng và 50.000.000đồng tiền lãi, đồng thời thỏa thuận thống nhất hai bên không còn nợ nần gì nhau.

Ngày 19/11/2021, T đến nhà anh Hoàng Văn T1 để hỏi vay tiền, anh T1 hỏi T có tài sản gì để lại không thì T nói có xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 nên anh T1 đồng ý cho T vay số tiền 60.000.000đồng với mức lãi suất theo T khai là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày còn theo anh T1 khai là 2.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. T đã để lại cho anh T1 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 giả còn lại mang tên T và 01 bản phô tô giấy căn cước công dân của T để làm tin. Sau đó, T viết giấy bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 cho anh T1 với giá 400.000.000đồng. Tuy nhiên, bản chất sự việc là cầm cố xe ô tô để vay tiền với lãi suất cao. Trong các ngày 21/12/2021, 29/12/2021, 17/02/2022, 08/3/2022 và ngày 21/3/2022, T đã chuyển khoản cho anh T1 mỗi lần 3.000.000đồng, theo T khai là tiền đóng lãi nhưng anh T1 khai T làm ăn khó khăn nên xin không đóng lãi mà trả dần gốc, số tiền chuyển khoản

trong các ngày trên là tiền gốc T trả dần. Đến ngày 03/11/2023, bà Hoàng Thị Đ là mẹ đẻ của T thay mặt T trả cho anh T1 số tiền 40.000.000đồng. Anh T1 xác nhận T đã trả nợ xong, không còn nợ nần nhau bất cứ khoản tiền gì.

Trong khoảng thời gian T không có tiền để trả tiền lãi và tiền gốc cho anh C và anh T1 nên anh C và anh T1 đã đến nhà T đòi nợ nhiều lần. T đã tránh mặt đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương. Ngày 27/11/2022, anh C làm đơn trình báo cơ quan công an và ngày 28/11/2022, anh T1 làm đơn trình báo cơ quan công an đề nghị xử lý T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc triệu tập đối với T nhiều lần nhưng T không đến để làm việc. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định truy tìm người số 03/QĐ-TT ngày 24/4/2023 đối với T. Ngày 30/10/2023, Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn phát hiện T tại thành phố B, tỉnh Bắc Cạn nên đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết theo pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 577/KL-KTHS ngày 13/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Các lớp in phôi nền trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với các lớp in tương ứng trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một phương pháp in in ra; Hình dấu tròn màu đỏ và hình dấu tên, chức danh có nội dung: "Thượng tá Hà Văn H" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo thành bằng phương pháp in phun màu, không phải hình dấu đóng trực tiếp; Chữ ký đứng tên Thượng tá Hà Văn H trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Thượng tá Hà Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 578/KL-KTHS ngày 13/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Các lớp in phôi nền trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với các lớp in tương ứng trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một phương pháp in in ra; Hình dấu tròn có nội dung: "★ CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ CÔNG AN TỈNH VĨNH PHÚC" và hình dấu tên, chức danh có nội dung: "Thượng tá Hà Văn H" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 được tạo thành bằng phương pháp in phun màu, không phải hình dấu đóng trực tiếp; Chữ ký đứng tên Thượng tá Hà Văn H trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Thượng tá Hà Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu Ml, M2, M3 không phải do cùng một người ký ra.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 28/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Tô Viết T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tô Viết T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt T từ 27 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng; về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không

có tài sản, thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị lưu trong hồ sơ vụ án 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 mang tên Tô Viết T do anh C và anh T1 giao nộp là tài liệu điều tra.

Bị cáo Tô Viết T không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo Tô Viết T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo Tô Viết T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ chứng cứ khách quan để kết luận: Tô Viết T là người kinh doanh tự do. Để có tiền đầu tư và trả nợ, T đã đặt trên mạng xã hội Facebook và Zalo làm 02 giấy đăng ký xe ô tô giả theo mẫu giấy đăng ký xe ô tô thật của T, với mục đích sử dụng để cầm cố vay tiền. Ngày 01/7/2021, T điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, loại xe tải có mui, biển kiểm soát 88C-101.27 đến nhà anh Nguyễn Văn C ở thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh C để vay số tiền 200.000.000đồng, mức lãi suất là 2.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Anh C đã chuyển khoản đủ cho T số tiền 200.000.000đồng. T để lại cho anh C 01 giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 giả mang tên Tô Viết T, còn xe ô tô anh C để cho T sử dụng. Từ tháng 12/2021 đến ngày 09/10/2023, T trả đủ cho anh C số tiền gốc 200.000.000đồng và 78.000.000đồng tiền lãi, T và anh C thống nhất không còn nợ nần gì nhau.

Ngày 19/11/2021, T tiếp tục mang xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 đến nhà anh Hoàng Văn T1 ở thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc làm thủ tục cầm cố chiếc xe ô tô để vay anh T1 số tiền 60.000.000đồng, mức lãi suất theo T khai là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày còn theo anh T1 khai là 2.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. T để lại cho anh T1 01 giấy đăng ký xe ô tô

biển kiểm soát 88C-101.27 giả còn lại mang tên Tô Viết T và 01 bản phô tô căn cước công dân của T làm tin, còn xe ô tô anh T1 vẫn để cho T sử dụng. Từ tháng 12/2021 đến ngày 03/11/2023, T và gia đình đã trả cho anh T1 tổng số tiền 55.000.000đồng, Đến nay, giữa anh T1 và T không còn nợ nần nhau bất cứ khoản tiền gì.

Hành vi của bị cáo Tô Viết T đã phạm vào tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 341 quy định:

"1. Người nào ... sử dụng ... tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên".

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bố bị cáo là người có công với Nhà nước Việt Nam và Nhà nước Lào và được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cấp Nhà nước nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù ở trong khung đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, như vậy cũng đã đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản, không có thu

nhập nên không áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Mục đích của T thuê làm giả 02 đăng ký xe ô tô để thế chấp vay tiền đầu tư làm ăn, bản thân T và gia đình đã trả đủ tiền cho anh C và anh T1, đến nay không còn nợ gì. T có hành vi gian dối nhưng không có mục đích chiếm đoạt tài sản của anh C và anh T1. Do đó, xác định đây là việc vay nợ giữa T với anh C, anh T1 và là quan hệ dân sự, không cấu thành các tội về chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra đã có quyết định thay đổi tội danh từ tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" sang tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[6]. Về dân sự: Tô Viết T và gia đình đã trả cho anh Nguyễn Văn C tổng số tiền 278.000.000đồng; trả cho anh Hoàng Văn T1 tổng số tiền 55.000.000đồng. Nay bị cáo T, anh T1, anh C không có bất cứ yêu cầu, đề nghị gì về dân sự; bà Hoàng Thị Đ không có yêu cầu gì đối với số tiền mà bà Đ đã thay mặt bị cáo T để trả cho anh T1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Đối với anh Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định: Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 09/10/2023, anh C cho bị cáo Tô Viết T vay số tiền 200.000.000đồng, thu lãi số tiền tổng cộng 78.000.000đồng đạt tỷ lệ lãi suất 17,17%/01 năm, không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Do đó, hành vi của anh Nguyễn Văn C không cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" hay vi phạm hành chính gì khác.

[8]. Đối với anh Hoàng Văn T1, quá trình điều tra xác định: Từ ngày 19/11/2021 đến ngày 03/11/2023, anh T1 cho bị cáo Tô Viết T vay số tiền 60.000.000đồng, lãi suất theo T khai là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, theo anh T1 khai là 2.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Sau đó, do có quan hệ họ hàng, biết T làm ăn thua lỗ nên anh T1 không thu lãi của T. Đến ngày 03/11/2023, T đã trả cho anh T1 tổng số tiền là 55.000.000đồng, số tiền còn lại anh T1 không yêu cầu T phải trả thêm và xác nhận giữa T và anh T1 không còn nợ nần gì nhau. Do đó, hành vi của anh Hoàng Văn T1 không cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" hay vi phạm hành chính gì khác.

[9]. Về vật chứng: Đối với 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 mang tên Tô Viết T do anh C và anh T1 giao nộp, quá trình điều tra xác định đây là giấy đăng ký xe ô tô do Tô Viết T đặt làm giả trên mạng xã hội và dùng để vay tiền của anh C và anh T1 là tài liệu điều tra nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[10]. Về án phí: Bị cáo Tô Viết T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật sẽ được Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Tô Viết T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. *Về hình phạt*:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Tô Viết T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tô Viết T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Trong T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. *Về vật chứng:*

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Lưu trong hồ sơ vụ án 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-101.27 mang tên Tô Viết T do anh C và anh T1 giao nộp là tài liệu điều tra.

4. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí toà án, bị cáo Tô Viết T phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*:

Căn cứ Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Bị cáo;
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
-Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
-VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
-TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
-VKSND huyện T;
-Công an huyện T;
-Cơ quan thi hành án hình sự;
-Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
-Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo